

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Quý Long**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Tất Trọng**.

2. Bà **Bùi Minh Diệu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Ú, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – Chị Lê Thị H trình bày:* Chị và anh Triệu Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/10/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, chị thấy anh Đ có quan hệ ngoài hôn nhân với người khác, không chăm lo cho gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống từ tháng 5/2022 đến nay.

Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị bỏ ra ngoài thuê nhà ở đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên khởi kiện xin ly hôn anh Đ.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Triệu Hương G, sinh ngày 19/3/2020, hiện con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đề nghị giao con chung là Triệu Hương G cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các biên bản lấy lời khai, quá trình làm việc, bị đơn anh Triệu Văn Đ trình bày:* Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, ly thân như chị H trình bày. Anh cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh xác định anh và chị H có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Hiện con chung đang do chị H nuôi dưỡng. Anh cũng nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên). Anh cũng nhất trí với sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Anh xác định vợ chồng nhờ bố, mẹ để anh vay số tiền 300.000.000 đồng và vay của anh rể là Nguyễn Trọng V, cậu ruột Đoàn Đình C mỗi người số tiền 50.000.000 đồng với mục đích xin việc cho chị H làm giáo viên tại trường tiểu học T, huyện N. Tuy nhiên, anh không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này là hợp pháp. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết nếu sau này không thỏa thuận được thì anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương xã A cung cấp:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 29/10/2018 tại UBND xã A, huyện N. Sau ngày cưới chị H và anh Đ sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh Đ tại thôn Ú, xã A, huyện N, quá trình chung sống giữa chị H và anh Đ xảy ra mâu thuẫn nên chị H đã đưa con đi thuê nhà ở tại thôn T, xã T, huyện N từ tháng 5/2022 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, hai vợ chồng sống xa nhau nên xảy ra nhiều nghi ngờ và ghen tuông. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là Triệu Hương G, sinh ngày 19/3/2020, hiện con chung đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H hiện đang là giáo viên trường tiểu học T còn anh Đ hiện đang làm công nhân mỏ ở Quảng Ninh thu nhập cụ thể của chị H, anh Đ cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Hiện nay, anh Đ đang nuôi 02 con với người vợ cũ và thường xuyên đi làm ăn xa không thường xuyên ở nhà, chị H là giáo viên có thu nhập tốt hơn nên đề

ngợi giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung.

**Tại phiên tòa:** Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ; giao con chung là Triệu Hương G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn có biện pháp cải thiện để vợ chồng đoàn tụ nên không nhất trí ly hôn chị H; Do anh không nhất trí ly hôn nên anh không trình bày quan điểm về nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Triệu Văn Đ; Xử giao cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Hương G, sinh ngày 19/3/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi (thành niên); Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị H về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con; Anh Triệu Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Chị Lê Thị H và anh Triệu Văn Đ đều cư trú tại huyện N, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Triệu Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện N nơi sinh sống của anh Đ tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/10/2018, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả chị H và anh Đ trình bày là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có biện pháp gì cải thiện. Mâu thuẫn theo lời trình bày của chị H, anh Đ thể hiện anh chị không còn hoà hợp được với nhau nữa, tình cảm vợ chồng thực tế đã chấm dứt từ lâu. Mặt

khác, tại Biên bản xác minh tại UBND xã A, huyện N thể hiện: Quá trình chung sống giữa chị H, anh Đ ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp tính nết, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Như vậy, tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ, không thể đoàn tụ chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh Đ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với pháp luật, quá trình giải quyết bản thân anh Đ cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn để giải thoát cho nhau nhưng tại phiên tòa anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn có thể cải thiện để vợ chồng đoàn tụ nên không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử anh không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ để vợ chồng đoàn tụ. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Triệu Văn Đ.

- *Về quan hệ con chung*: Chị Lê Thị H và Anh Triệu Văn Đ có 01 con chung là Triệu Hương G, sinh ngày 19/3/2020. Sau khi ly hôn, chị H, anh Đ đồng ý thống nhất thỏa thuận về việc giao con chung là Triệu Hương G cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ngoài ra, chị H tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Đ không trình bày quan điểm về nuôi con và cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 06/3/2024 và nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. HĐXX giao con chung là Triệu Hương G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

- *Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức*: Do các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Lê Thị H ly hôn anh Triệu Văn Đ.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Lê Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Hương G, sinh ngày 19/3/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi (thành niên); Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị H về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Triệu Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003464, ngày 24 tháng 11 năm 2023.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị H, anh Triệu Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/5/2024.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã A, huyện N;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Bùi Quý Long**